

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78 /CV- CTy

Bảo Lộc, ngày 26 tháng 06 năm 2025

V/v đề nghị hủy tư cách Công ty đại
chúng của Công ty cổ phần Công trình
đô thị Bảo Lộc

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc, Mã chứng khoán: DTB, Mã số doanh nghiệp: 5800001347, Địa chỉ: 261 Hoàng Văn Thụ - Phường I – Thành phố Bảo Lộc – Tỉnh Lâm Đồng, xin trân trọng gửi đến Quý Cơ quan lời chào trân trọng và kính đề nghị như sau:

Căn cứ theo quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 11 điều 1 Luật 56/2024/QH15 và các Văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty chúng tôi nhận thấy:

- Công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng (Vốn điều lệ đã góp < 30 tỷ đồng) (Căn cứ Báo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, Vốn điều lệ Công ty đã góp là 15.558.248.000 đồng) ;

- Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy tư cách công ty đại chúng theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2025

Do đó, chúng tôi đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét và chấp thuận việc hủy tư cách công ty đại chúng đối với Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc.

Hồ sơ kèm theo gồm có:

1. Văn bản đề nghị hủy tư cách công ty đại chúng;
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 5800001347 cấp lần đầu ngày 16/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 09/12/2020.
3. Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Công trình đô thị bảo lộc, trong đó thống nhất nội dung thông qua việc hủy tư cách công ty đại chúng;
4. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;
5. Danh sách cổ đông do VSDC cung cấp chốt ngày 26/5/2025.

Kính mong Quý Cơ quan xem xét, chấp thuận đề nghị của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Duy Tiên

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH LÂM ĐỒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 5800001347

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 07 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 09 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 261, Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: 0263 3864057

Fax: 0263 3710343

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 15.582.480.000 đồng.

Bằng chữ: Mười lăm tỷ năm trăm tám mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.558.248

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN DUY TIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 10/06/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 250589271

Ngày cấp: 12/07/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Lâm Đồng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 107 đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 107 đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

* Họ và tên: LÊ KIM HIỀN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/01/1965*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *250261441*

Ngày cấp: *09/12/2015*

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Lâm Đồng*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 72, Đội Cấn, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 72, Đội Cấn, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thanh Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/NQ-ĐHĐCĐ

Bảo Lộc, ngày 26 tháng 06 năm 2025

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc Hội ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 27/4/2021;

Căn cứ Biên bản cuộc họp và Biên bản kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 26/06/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2024 và nhiệm kỳ 2020 – 2025; định hướng hoạt động năm 2025 và nhiệm kỳ 2025 – 2030 (kèm theo Báo cáo).

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau (ĐVT: Triệu đồng):

STT	Chỉ tiêu	Nghị quyết năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu	45.579	52.962	116,20
2	Lợi nhuận	2.600	3.032	116,62
3	Nghĩa vụ thực hiện NSNN	3.600	3.582	99,50
4	Lương bình quân người lao động /tháng	7,85	8,070	102,80

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc; tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát năm 2024 và nhiệm kỳ 2020 - 2025; định hướng hoạt động năm 2025 và nhiệm kỳ 2025 - 2030 (kèm theo Báo cáo).

Điều 3. Thông qua Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau (ĐVT: Triệu đồng):

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025
1	Tổng doanh thu	47.900
2	Lợi nhuận	2.700
3	Nghĩa vụ thực hiện NSNN	3.600
4	Lương bình quân người lao động /tháng	8,0

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán (kèm theo Báo cáo).

Điều 5. Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán năm 2025 như sau:

1. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.
2. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Giao Ban kiểm soát lựa chọn 01 trong 03 đơn vị nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 đồng thời thông báo cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty để triển khai ký kết hợp đồng với đơn vị được lựa chọn.

Điều 6. Thông qua tổng mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2025 như sau (ĐVT: đồng):

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Thù lao/tháng	Số tháng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị				153.600.000
1	Thành viên HĐQT	4	3.200.000	12	153.600.000
II	Ban kiểm soát				81.600.000
1	Trưởng BKS	1	3.200.000	12	38.400.000
2	Thành viên BKS	2	1.800.000	12	43.200.000
Tổng cộng (I + II)					235.200.000

Điều 7. Thông qua mức cổ tức năm 2024 và hình thức chia cổ tức như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế năm 2024: **3.032.771.836 đồng**
2. Tổng cộng lợi nhuận được phân phối năm 2024: **3.032.771.836 đồng**
3. Trích lập các quỹ theo Điều lệ quy định:
 - a. Trích lập quỹ đầu tư phát triển (10%) **303.277.184 đồng**
 - b. Trích lập quỹ phúc lợi tập thể (10%) **303.277.184 đồng**
 - c. Trích lập quỹ khen thưởng (10%) **303.277.184 đồng**
 - d. Trích lập quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành (5%) **151.638.591 đồng**
- Tổng cộng các quỹ (a,b,c,d): **1.061.470.143 đồng**
5. Lợi nhuận phân phối trả cổ tức cho cổ đông: **1.971.301.693 đồng**

6. Mức trả cổ tức trên một cổ phần :

1.971.301.693 đồng/1.558.248 cổ phần = 1.265,08 đồng (làm tròn 1.265 đồng/cổ phần)

(Bằng chữ: Một nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng trên 1 cổ phần)

- Hình thức trả cổ tức: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng (Đối với cổ đông chưa tiến hành đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán) hoặc bằng tiền trong tài khoản chứng khoán của quý Cổ đông.

Điều 8. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc nhiệm kỳ 2025 – 2030, danh sách trúng cử cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Duy Tiên
2. Ông Lê Kim Hiền
3. Ông Hồ Đình Dũng
4. Ông Trần Chí Thắng
5. Ông Phan Huy Thanh

Điều 9. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc nhiệm kỳ 2025 – 2030, danh sách trúng cử cụ thể như sau:

1. Ông Phạm Thanh Kem
2. Ông Lưu Quang Tuấn
3. Ông Nguyễn Đăng Khuê

Điều 10. Thông qua việc tự nguyện huỷ tư cách công ty đại chúng, huỷ đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM toàn bộ cổ phiếu DTB tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, huỷ đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thông nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty thực hiện các thủ tục, hồ sơ cần thiết trình Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 11. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc nhất trí thông qua tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, các phòng, đơn vị trực thuộc, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc./-

Nơi nhận:

- Như điều 11;
- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tài chính, Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng;
- UBCKNN; Sở GDCK HN;
- Website: <http://congydothibaoloc.com>;
- Lưu: Thư ký Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Nguyễn Duy Tiên



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5943 - 3820 5944; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Công trình Đô thị Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Công trình Đô thị Bảo Lộc tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 25/07/2008 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800001347 lần đầu ngày 16/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/12/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 15.582.480.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 : 15.582.480.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 261 Hoàng Văn Thụ, phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm (không bao gồm dịch vụ xông hơi, khử trùng);
- Trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa;
- Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng;
- Xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, láng nhựa, xây dựng mương, cống rãnh thoát nước;
- Xây dựng, chăm sóc và duy trì công viên, khu vực cây xanh;
- ...

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ vệ sinh môi trường, chiếu sáng, cây xanh.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:	Không có				
Công ty liên kết:	Không có				
Cơ sở đồng kiểm soát:	Không có				
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân:	Không có				

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là 3.032.771.836 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2023 lợi nhuận sau thuế là 2.571.633.747 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2024 là 3.032.771.836 VND (Tại thời điểm 31/12/2023 lợi nhuận chưa phân phối là 2.571.633.747 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	NGUYỄN DUY TIỀN	Chủ tịch HĐQT	
Ông	LÊ KIM HIỀN	Thành viên	
Ông	PHAN HUY THANH	Thành viên	
Ông	NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG	Thành viên	
Ông	HỒ ĐÌNH DŨNG	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)

Ban Giám đốc

Ông	LÊ KIM HIỀN	Giám đốc
Ông	HỒ ĐÌNH DŨNG	Phó Giám đốc
Ông	TRẦN CHÍ THẮNG	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông	PHẠM THANH KEM	Trưởng ban
Ông	PHẠM VĂN MINH	Thành viên
Bà	BÙI THỊ HẢI YẾN	Thành viên

Kế toán trưởng

Ông	LƯU QUANG TUẤN
-----	----------------

Đại diện pháp luật

Ông	NGUYỄN DUY TIỀN	Chủ tịch HĐQT
Ông	LÊ KIM HIỀN	Giám đốc

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2024, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Bảo Lộc, ngày 15 tháng 03 năm 2025

TM. Ban Giám đốc



LÊ KIM HIỀN

Giám đốc

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty CP Công trình Đô thị Bảo Lộc phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

TP. Bảo Lộc, ngày 15 tháng 03 năm 2025

TM. Hội đồng Quản trị



NGUYỄN DUY TIÊN

Chủ tịch HĐQT



Tai ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.187.598.343	28.122.878.467
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.831.778.396	14.547.832.189
Tiền	111	V.1	5.831.778.396	8.547.832.189
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	4.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.335.401.879	12.356.385.016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	12.367.979.113	4.150.570.768
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.202.688.373	601.088.056
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	8.524.944.531	8.369.081.464
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(760.210.138)	(764.355.272)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	937.390.463	799.733.301
Hàng tồn kho	141	V.6	937.390.463	799.733.301
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		83.027.605	418.927.961
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	202.063.269
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.	83.027.605	216.864.692
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.025.050.884	7.980.624.466
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.996.259.351	3.685.534.412
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.996.259.351	3.685.534.412
- Nguyên giá	222		15.344.324.599	13.100.148.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.348.065.248)	(9.414.613.959)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	182.012.179	2.237.523.450
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	182.012.179	2.237.523.450
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		846.779.354	2.057.566.604
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	846.779.354	2.057.566.604
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		38.212.649.227	36.103.502.933

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.908.515.816	16.517.670.985
I. Nợ ngắn hạn	310		17.908.515.816	16.517.670.985
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	5.591.924.005	6.265.177.353
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	9	297.622.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	749.195.404	290.047.900
Phải trả người lao động	314		6.769.394.444	5.016.475.488
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	65.000.000	88.030.099
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		323.138.084	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	4.020.031.889	3.689.374.873
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		389.831.981	870.943.272
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.11.	-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.13.	-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.14.	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.304.133.411	19.585.831.948
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	20.304.133.411	19.585.831.948
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	15.582.480.000	15.582.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.15	15.582.480.000	15.582.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15	1.688.881.575	1.431.718.201
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	3.032.771.836	2.571.633.747
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.032.771.836	2.571.633.747



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

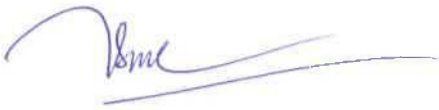
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		38.212.649.227	36.103.502.933

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



ĐINH CÔNG VĂN

LƯU QUANG TUẤN

LÊ KIM HIỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	52.962.937.103	44.147.888.260
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		52.962.937.103	44.147.888.260
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	41.824.942.911	34.514.474.987
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.137.994.192	9.633.413.273
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	129.628.706	160.398.421
Chi phí tài chính	22	VI.5	-	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.8	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	7.198.375.893	6.329.568.400
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		4.069.247.005	3.464.243.294
Thu nhập khác	31	VI.6	33.233.283	248.614.949
Chi phí khác	32	VI.7	195.079.206	294.595.517
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(161.845.923)	(45.980.568)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.907.401.082	3.418.262.726
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	874.629.246	846.628.979
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3.032.771.836	2.571.633.747
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.460	1.238
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.460	1.238

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2025

Giám đốc





ĐINH CÔNG VĂN

LƯU QUANG TUẤN

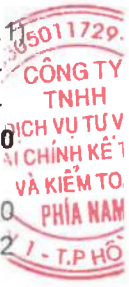
LÊ KIM HIỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.907.401.082	3.418.262.726
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		933.451.289	869.224.395
- Các khoản dự phòng	03		(4.145.134)	(60.328.600)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(129.628.706)	(160.398.421)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.707.078.531	4.066.760.100
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(8.638.971.373)	1.236.074.910
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(137.657.162)	137.906.242
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		1.774.145.969	1.584.205.245
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.210.787.250	(73.675.357)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế TNDN đã nộp	15		(776.819.093)	(776.819.093)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.124.019.726)	(1.339.528.757)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.985.455.604)	4.834.923.290
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(188.664.957)	(631.099.268)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		129.628.706	160.398.421
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(59.036.251)	(470.700.847)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.671.561.938)	(2.077.927.468)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.671.561.938)	(2.077.927.468)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50=20+30+40$)	50		(4.716.053.793)	2.286.294.975
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14.547.832.189	12.261.537.214
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70=50+60+61$)	70	V.1	9.831.778.396	14.547.832.189

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



ĐINH CÔNG VĂN

LƯU QUANG TUẤN

LÊ KIM HIỀN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Công trình Đô thị Bảo Lộc tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 25/07/2008 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800001347 lần đầu ngày 16/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/12/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 15.582.480.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 : 15.582.480.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 261 Hoàng Văn Thụ, phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 173 người (tại ngày 31/12/2023 là 167 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm (không bao gồm dịch vụ xông hơi, khử trùng);
- Trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa;
- Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng;
- Xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, láng nhựa, xây dựng mương, cống rãnh thoát nước;
- Xây dựng, chăm sóc và duy trì công viên, khu vực cây xanh;
- ...

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ vệ sinh môi trường, chiếu sáng, cây xanh.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:	Không có				
Công ty liên kết:	Không có				
Cơ sở đồng kiểm soát:	Không có				
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân:	Không có				

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

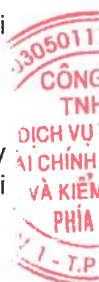
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	5 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	5	năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

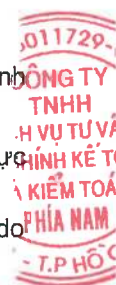
b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi kinh doanh chứng khoán và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

16. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	238.750.695	393.408.762
- Tiền gửi ngân hàng	5.593.027.701	8.154.423.427
- Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	9.831.778.396	14.547.832.189

Ghi chú: (*)

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Bảo Lộc, lãi suất 4%/ năm.

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Ngân sách TP. Bảo Lộc	2.356.280.352	2.356.280.352
- Công ty TNHH Nguyên Thanh	100.000.000	100.000.000
- Phòng Quản lý Đô thị TP. Bảo Lộc	5.311.711.087	1.148.241.440
- Phòng Tài Nguyên và Môi trường TP. Bảo Lộc	2.634.122.224	-
- Đối tượng khác	1.965.865.450	546.048.976
Cộng	12.367.979.113	4.150.570.768

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công ty TNHH XD và TM Thành Phát ICC	773.138.373	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thủy lợi Quốc Minh	-	100.000.000
- Đối tượng khác	429.550.000	501.088.056
Cộng	1.202.688.373	601.088.056

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	860.115.316	-	789.601.565	-
- Ký cược, ký quỹ	219.638.493	-	219.638.493	-
- Phải thu khác	7.445.190.722	300.258.070	7.359.841.406	300.258.070
+ Ngân sách TP. Bảo Lộc	424.505.666	-	424.505.666	-
+ Khu nghỉ dưỡng hồ Nam Phương	300.258.070	300.258.070	300.258.070	300.258.070
2				
+ Phải thu ngân sách tỉnh về dự án Công viên hồ Đồng Nai	5.613.700.108	-	5.613.700.108	-
+ Phải thu khác	1.106.726.878	-	1.021.377.562	-
Cộng	8.524.944.531	300.258.070	8.369.081.464	300.258.070

5 . NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	347.752.068	-	247.752.068	-
<u>Chi tiết:</u>				
+ Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Huỳnh Tam Long	147.937.068	-	147.937.068	-
+ Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đại Phúc Đạt	99.815.000	-	99.815.000	-
+ Công ty TNHH Nguyễn Thanh	100.000.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	-	-	-	-
- Tổng giá trị các khoản trả trước cho người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	112.200.000	-	216.345.134	-
<u>Chi tiết:</u>				
+ Công ty Tư vấn xây dựng Sông Hồng	-	-	116.345.134	-
+ Công ty TNHH Xây dựng Thủy lợi Quốc Minh	-	-	100.000.000	-
+ Trung tâm nghiên cứu, Dịch vụ Công nghệ và Môi trường	112.200.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	-	-	-	-
- Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	300.258.070	-	300.258.070	-
+ Khu nghỉ dưỡng hồ Nam Phương	300.258.070	-	300.258.070	-
2				
+ Đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	760.210.138	-	764.355.272	-

Ghi chú:

Đây là các khoản nợ xấu lũy kế từ trước đến nay, đã được trích lập dự phòng với số tiền là 760.210.138 đồng.

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	878.579.311	-	689.110.152	-
- Công cụ, dụng cụ	16.725.000	-	68.536.997	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	42.086.152	-	42.086.152	-
- Hàng hóa gửi bán	-	-	-	-
Cộng	937.390.463	-	799.733.301	-

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

7 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang		
+ Nhà xe	182.012.179	-
Mua sắm máy móc thiết bị		
+ Xe ép rác	-	2.237.523.450
Khác	-	-
Cộng	182.012.179	2.237.523.450

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.213.081.623	445.678.612	11.373.206.318	68.181.818	-	13.100.148.371
Số tăng trong năm	-	-	2.244.176.228	-	-	2.244.176.228
- Mua trong kỳ	-	-	2.244.176.228	-	-	2.244.176.228
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.213.081.623	445.678.612	13.617.382.546	68.181.818	-	15.344.324.599
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	882.942.060	407.177.613	8.110.858.286	13.636.000	-	9.414.613.959
Số tăng trong năm	37.368.000	22.000.000	860.447.289	13.636.000	-	933.451.289
- Khấu hao trong năm	37.368.000	22.000.000	860.447.289	13.636.000	-	933.451.289
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	920.310.060	429.177.613	8.971.305.575	27.272.000	-	10.348.065.248
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	330.139.563	38.500.999	3.262.348.032	54.545.818	-	3.685.534.412
Tại ngày cuối năm	292.771.563	16.500.999	4.646.076.971	40.909.818	-	4.996.259.351

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý:

- VND
5.840.834.349 VND
- VND

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
9.1. Ngắn hạn		
- CCDC xuất dùng	-	-
- Chi phí sửa chữa	-	-
- Chi phí thuê	-	-
- Chi phí khác	-	-
Cộng	-	-
9.2. Dài hạn		
- Chi phí bảo trì	-	-
- CCDC xuất dùng	420.623.580	498.536.588
- Chi phí khác	426.155.774	1.559.030.016
Cộng	846.779.354	2.057.566.604



10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH Xăng dầu Xuân An	296.917.000	296.917.000	248.720.000	248.720.000
- Cơ sở sắt Phạm Văn Toàn	616.615.034	616.615.034	43.728.151	43.728.151
- Công ty TNHH Đại Phát Tín	-	-	1.674.606.000	1.674.606.000
- Liên doanh Công ty TVXD Miền Đông & Công ty TNHH XD Thuận An	1.317.862.988	1.317.862.988	1.317.862.988	1.317.862.988
- Công ty TNHH XD Thuận Tiến	1.444.493.137	1.444.493.137	1.444.493.137	1.444.493.137
- Vựa cây Hoa Kiểng Tường Vi	883.371.000	883.371.000	-	-
- Đối tượng khác	1.032.664.846	1.032.664.846	1.535.767.077	1.535.767.077
Cộng	5.591.924.005	5.591.924.005	6.265.177.353	6.265.177.353

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- UBND phường Lộc Sơn	-	-	297.622.000	297.622.000
- Đối tượng khác	9	9	-	-
Cộng	9	9	297.622.000	297.622.000

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
12.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.210.070.526	1.735.504.368	474.566.158
Thuế thu nhập doanh nghiệp	290.047.900	874.629.246	890.047.900	274.629.246
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	290.047.900	3.087.699.772	2.628.552.268	749.195.404
12.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	84.065.012	52.315.655	51.278.248	83.027.605
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	132.799.680	442.665.600	309.865.920	-
Thuế khác	-	-	-	-
Cộng	216.864.692	494.981.255	361.144.168	83.027.605

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	-	-

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- Các khoản khác	65.000.000	88.030.099
Cộng	65.000.000	88.030.099
14. PHẢI TRẢ KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
14.1. Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	160.001.585	135.634.176
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.860.030.304	3.553.740.697
+ Ngân sách thành phố Bảo Lộc	3.848.199.894	3.459.294.167
+ Đối tượng khác	11.830.410	94.446.530
Cộng	4.020.031.889	3.689.374.873



CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

261 Hoàng Văn Thụ, phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần
Số dư đầu năm trước	15.582.480.000	-
- Tăng vốn trong năm	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-
- Tăng khác	-	-
- Giảm vốn trong năm	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-
- Chia cổ tức	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư đầu năm nay	15.582.480.000	-
- Tăng vốn trong năm nay	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-
- Tăng khác	-	-
- Giảm vốn trong năm	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-
- Chia cổ tức	-	-

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
-	1.112.037.052	3.196.811.490	19.891.328.542
-	-	-	-
-	-	2.571.633.747	2.571.633.747
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	(2.077.927.468)	(2.077.927.468)
-	319.681.149	(1.118.884.022)	(799.202.873)
-	-	-	-
-	1.431.718.201	2.571.633.747	19.585.831.948
-	-	-	-
-	-	3.032.771.836	3.032.771.836
-	257.163.374	-	257.163.374
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	(1.671.561.938)	(1.671.561.938)
-	-	(900.071.809)	(900.071.809)
-	-	-	-

15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	15.582.480.000	15.582.480.000
Cộng	15.582.480.000	15.582.480.000

15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	15.582.480.000	15.582.480.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	15.582.480.000	15.582.480.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	1.671.561.938	2.077.927.468

15.4. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.558.248	1.558.248
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.558.248	1.558.248
+ Cổ phiếu phổ thông	1.558.248	1.558.248
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.558.248	1.558.248
+ Cổ phiếu phổ thông	1.558.248	1.558.248
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

15.5. Cổ tức	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	10,73%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

15.6. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.688.881.575	1.431.718.201
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

15.7. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

16.1. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	-	-
- JPY	-	-

16.2. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Nguyên tệ	VND	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
Trung tâm PTQĐ thành phố Bảo Lộc		20.636.000	31/12/2023	Xử lý nợ khó đòi
Công ty TNHH Song Nam		20.206.922	31/12/2023	Xử lý nợ khó đòi
Công ty Tư vấn Thiết kế Thành Phương		15.515.980	31/12/2023	Xử lý nợ khó đòi
Văn phòng đăng ký sử dụng đất TP Bảo Lộc		44.363.200	31/12/2023	Xử lý nợ khó đòi
Ngân sách TP Bảo Lộc		140.773.780	31/12/2023	Xử lý nợ khó đòi
Công ty CP Cảng hàng không Liên Khương		53.900.000	31/12/2023	Xử lý nợ khó đòi
Công ty Tư vấn xây dựng Sông Hồng		116.345.134	31/12/2024	Xử lý nợ khó đòi
Công ty TNHH Xây dựng Thủy lợi Quốc Minh		100.000.000	31/12/2024	Xử lý nợ khó đòi
Đối tượng khác		24.965.396	31/12/2023	Xử lý nợ khó đòi
Cộng		536.706.412		



VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa
- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	-
52.962.937.103	44.147.888.260
52.962.937.103	44.147.888.260

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	-
-	-
-	-
-	-

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn thành phẩm, hàng hoá
- Giá vốn cung cấp dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
126.462.000	-
41.698.480.911	34.514.474.987
41.824.942.911	34.514.474.987

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
129.628.706	160.398.421
-	-
129.628.706	160.398.421

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Chi phí tài chính khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	-
-	-
-	-

6 . THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý tài sản cố định
- Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	-
33.233.283	248.614.949
33.233.283	248.614.949

7 . CHI PHÍ KHÁC

- Thanh lý TSCĐ
- Các khoản tiền nộp phạt VPHC
- Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	-
176.745.147	24.620.934
18.334.059	269.974.583
195.079.206	294.595.517

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

8.1. Chi phí bán hàng

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	285.853.526	413.316.678
- Chi phí nhân công	3.262.675.820	3.399.024.880
- Chi phí khấu hao	192.329.000	192.329.000
- Thuế, phí, lệ phí	458.465.600	270.925.537
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	212.200.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	751.544.634	648.371.798
- Chi phí khác bằng tiền	2.035.307.313	1.405.600.507

Cộng

7.198.375.893 6.329.568.400

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.905.199.926	13.412.586.797
- Chi phí nhân công	24.901.172.334	22.486.943.942
- Chi phí khấu hao TSCĐ	933.451.289	869.224.395
- Chi phí dự phòng	212.200.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.837.489.345	2.581.655.772
- Chi phí bằng tiền khác	5.962.973.121	4.331.650.769

Cộng

45.752.486.015 43.682.061.675

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	874.629.246	760.423.053
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	86.205.926

Cộng

874.629.246 846.628.979

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.032.771.836	2.571.633.747
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.032.771.836	2.571.633.747
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	758.192.959	642.908.437
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.558.248	1.558.248

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

1.460 1.238

Ghi chú: () Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay là số dự kiến của Công ty.*

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.032.771.836	2.571.633.747
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	758.192.959	642.908.437
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.558.248	1.558.248
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.460	1.238

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
- Các giao dịch phi tiền tệ khác	-	-

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng Không có.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-



VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong kỳ giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
+ Tiền lương, thưởng	1.587.026.409	1.432.651.988
+ Thù lao	235.200.000	235.200.000

Trong đó:

Năm 2023:

Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
NGUYỄN DUY TIỀN	Chủ tịch HĐQT	311.788.476	
LÊ KIM HIỀN	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	302.924.155	38.400.000
PHAN HUY THANH	Thành viên HĐQT	8.000.000	38.400.000
NGUYỄN ĐỨC HẠNH	Thành viên HĐQT	116.410.000	38.400.000
NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG	Thành viên HĐQT	8.000.000	38.400.000
TRẦN CHÍ THẮNG	Phó Giám đốc	121.099.500	-
HỒ ĐÌNH DŨNG	Phó Giám đốc	241.464.581	-
LƯU QUANG TUẤN	Kế toán trưởng	212.578.846	-
PHẠM THANH KEM	Trưởng ban Kiểm soát	-	38.400.000
PHẠM VĂN MINH	Thành viên Ban Kiểm soát	-	21.600.000
BÙI THỊ HẢI YẾN	Thành viên Ban Kiểm soát	110.386.430	21.600.000
TỔNG CỘNG		1.432.651.988	235.200.000

Năm 2024:

NGUYỄN DUY TIỀN	Chủ tịch HĐQT	319.255.906	-
LÊ KIM HIỀN	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	309.970.815	38.400.000
PHAN HUY THANH	Thành viên HĐQT	11.200.000	38.400.000
NGUYỄN ĐỨC HẠNH	Thành viên HĐQT	28.420.000	12.800.000
NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG	Thành viên HĐQT	11.200.000	38.400.000
HỒ ĐÌNH DŨNG	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	269.378.893	25.600.000
TRẦN CHÍ THẮNG	Phó Giám đốc	252.047.820	-
LƯU QUANG TUẤN	Kế toán trưởng	245.072.716	-
PHẠM THANH KEM	Trưởng ban Kiểm soát	8.580.000	38.400.000
PHẠM VĂN MINH	Thành viên Ban Kiểm soát	4.320.000	21.600.000
BÙI THỊ HẢI YẾN	Thành viên Ban Kiểm soát	127.580.259	21.600.000
TỔNG CỘNG		1.587.026.409	235.200.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan như sau:

	Chức vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khoản phải thu		-	-
- Các khoản phải trả		-	-

1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
UBND tỉnh Lâm Đồng	Cổ đông lớn	61,42%

Trong năm Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
UBND tỉnh Lâm Đồng	Chi trả cổ tức	1.026.595.270

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:
Không có.

2 . Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào một nhóm sản phẩm dịch vụ công ích, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



ĐINH CÔNG VĂN

LƯU QUANG TUẤN

LÊ KIM HIỀN

ST T	Họ và tên	Mã định danh NĐT (SID)	Mã nhà đầu tư (Investor code)	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ	Email	Điện thoại	Quốc tịch	Số lượng chứng khoán nắm giữ			Số lượng quyền phân bổ *		
										Chưa lưu ký	Lưu ký	Tổng cộng	Chưa lưu ký	Lưu ký	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I. MÔI GIỚI TRONG NƯỚC															
1. Cá nhân															
1.1	Bùi Lê Khánh	000101106617679	000101106617679	250606974	10/09/2016	28 Nguyễn Trung Trục p2, TP. Bảo Lộc.		0995180479	Việt nam	5.000	0	5.000	5.000	0	5.000
1.2	Bùi Thanh Tùng	000101606617644	000101606617644	250434411	11/08/2012	Tổ 10 khu 1 P2		0977813344	Việt nam	1.400	0	1.400	1.400	0	1.400
1.3	Bùi Thị Hải Yến	000101416173292	00010141617329	068185006371	26/08/2021	16 Võ văn Tấn, Tổ 2, P2, TP. Bảo Lộc			Việt nam	1.200	0	1.200	1.200	0	1.200
1.4	Bùi Thị Thủy	000101506617689	000101506617689	250660393	07/11/2015	189 Nguyễn Viết Xuân, xã ĐamBri, TP. Bảo Lộc		0792952388	Việt nam	2.000	0	2.000	2.000	0	2.000
1.5	Bùi Văn Đức	000101616423838	00010161642383	068070000269	31/03/2021	35/1/1 Hồng Bàng, P1, TP. Bảo Lộc			Việt nam	1.400	0	1.400	1.400	0	1.400
1.6	Cao Xuân Bình	000101206617746	00010120661774	251039840	08/08/2012	190/16 Huỳnh Thúc Kháng p2, TP. Bảo Lộc		0908371016	Việt nam	600	0	600	600	0	600
1.7	DUƠNG MUỐI MUỐI	230314112226392	23031411222639	079142001681	12/02/2023	27/5C Bùi Công Trùng, Tổ 9, Ấp 3, xã Nhữ Bình, huyện Hóc Môn, TPHCM	khuvuon09(at)gmail.com	0909091037	Việt nam	0	2	2	0	2	2
1.8	Dương Bảo Hoàng	000101106617704	00010110661770	250709171	22/09/2020	39 Tân Lư, xã ĐamBri, TP. Bảo Lộc.		0975363536	Việt nam	1.000	0	1.000	1.000	0	1.000
1.9	Dương Hồng Đăng	000101606617726	00010160661772	250835351	26/12/2020	37/17 Lê Đại Hành, P. Lộc Phát, TP. Bảo Lộc		0947420776	Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.10	Hoàng Bình	000101206617628	00010120661762	250431466	05/07/2013	37/17 Phan Đình Giót - P1 - TP. Bảo Lộc		0938398568	Việt nam	1.400	0	1.400	1.400	0	1.400
1.11	Hoàng Công Hưng	000101616354226	00010161635422	034076025681	28/06/2021	148 Nguyễn Văn Lộc Thanh, TP. Bảo Lộc.			Việt nam	100	0	100	100	0	100
1.12	Hoàng Ngọc Linh	000101606617732	00010160661773	250902166	04/07/2020	SN 909 đường Trần Phú, P. B'loao, TP. Bảo Lộc			Việt nam	5.000	0	5.000	5.000	0	5.000
1.13	Hoàng Ngọc Thịnh	000101306613005	00010130661300	250687461	16/06/2020	riệp thành thu Dầu Mỏ, Bình Duong.			Việt nam	5.100	0	5.100	5.100	0	5.100
1.14	Hoàng Thị Hoài Thanh	000101406617580	00010140661758	183584613	29/07/2020	Thôn 4 xã ĐamBri, TP. Bảo Lộc		0983584613	Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.15	Hoàng Văn Long	000101506617606	00010150661760	250323318	02/11/2012	Khu 3A TT Lộc Thắng - Bảo Lâm		0979435424	Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.16	Hoàng Văn Quang	000101206617603	00010120661760	250301630	04/05/2011	SN 909 đường Trần Phú, P. B'loao, TP. Bảo Lộc		0911661468	Việt nam	13.400	0	13.400	13.400	0	13.400
1.17	Hoàng Văn Thắng	191025506617581	19102550661758	197127606	23/02/2016	201, Hoàng Văn Thu, P.1, TP. Bảo Lộc	blaogreen(at)gmail.com	0919822766	Việt nam	0	1.700	1.700	0	1.700	1.700
1.18	Hoàng Xuân Trường	000101506617631	00010150661763	250431678	08/09/2011	190/17 Lý Thường Kiệt, p1, TP. Bảo Lộc		0794728760	Việt nam	1.100	0	1.100	1.100	0	1.100
1.19	Huỳnh Tấn Viên	000101106617608	00010110661760	250353141	05/04/2020	14 Phan Huy Chương - P. B'loao - TP. Bảo Lộc		0918482210	Việt nam	5.400	0	5.400	5.400	0	5.400
1.20	Hà Duy Thắng	000101303920198	00010130392019	250455630	10/01/2020	Long An tại xã Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng			Việt nam	5.000	0	5.000	5.000	0	5.000
1.21	Hồ Cao Danh	000101506617718	00010150661771	250782134	05/12/2020	22/5 Lý Tự Trọng - Phường 2 - TP. Bảo Lộc		0975369248	Việt nam	1.000	0	1.000	1.000	0	1.000
1.22	Hồ Quốc Lập	000101106617673	00010110661767	250592047	22/05/2017	52 Lê Quý Đôn, TP. Bảo Lộc		01629052304	Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.23	Hồ Thị Mai	000101106617596	00010110661759	250266703	02/11/2020	SN 10 Nguyễn Văn Cừ - Lộc Sơn - TP. Bảo Lộc		0918302677	Việt nam	20.000	0	20.000	20.000	0	20.000
1.24	Hồ Đình Dũng	241028116466420	24102811646642	048081002617	27/12/2021	157/18, Nguyễn Công Trứ, P2, Bảo Lộc, Lâm Đồng	hodinhdung,blac(at)gmail.com	0905335700	Việt nam	0	3.500	3.500	0	3.500	3.500
1.25	Hồ Đắc Phước	000101116354222	00010111635422	068058004675	11/08/2021	29 Phan Bội Châu, P1, TP. Bảo Lộc			Việt nam	12.300	0	12.300	12.300	0	12.300
1.26	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	240701115145655	24070111514565	025189016669	19/12/2022	khu 5, thị trấn hùng sơn, lâm thao, phú thọ	phungle15(at)gmail.com	0986253760	Việt nam	0	600	600	0	600	600
1.27	LÊ VĂN LỘC	241016316354223	24101631635422	001066042433	28/06/2021	Khu 2, thôn 3, xã Đại Lào, Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng			Việt nam	0	2.000	2.000	0	2.000	2.000
1.28	Lê Hoàng Anh	191025406617717	19102540661771	250778058	16/08/2020	Thôn 1, Lộc Phú, Bảo Lâm, Lâm Đồng	lehoanganhd,othl(at)gmail.com	0986714729	Việt nam	0	2.000	2.000	0	2.000	2.000
1.29	Lê Kim Hiền	191025606617594	19102560661759	250261441	09/12/2015	72, Đội Cấn, P. Lộc Sơn, Bảo Lộc, Lâm Đồng	lekimhieng3(at)gmail.com	0907552373	Việt nam	0	5.700	5.700	0	5.700	5.700
1.30	Lê Phú Cường	000101117042076	00010111704207	040089038152	12/08/2021	Tổ 4, P1, TP. Bảo Lộc			Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.31	Lê Thị Duyên	000101306617729	00010130661772	250866295	19/03/2020	231/10 Mạc Đình Chi, TP. Bảo Lộc		0344578204	Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.32	Lê Thị Hải	000101216173777	00010121617377	040184026680	24/05/2021	10/17 Chu Văn An, P1, TP. Bảo Lộc			Việt nam	2.000	0	2.000	2.000	0	2.000
1.33	Lê Thị Mỹ Hòa	201109107308340	20110910730834	250451542	31/01/2018	247 hai bà trưng đã lật lăm đồng	Lemyhoald,ld(at)gmail.com	0944772782	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.34	Lê Thị Nhi	240819515811196	24081951581119	079160002606	27/09/2022	250 đường Liễu Bình Hương, ấp Tân Thành, xã Tân Thông Hội, Củ Chi	0	0	Việt nam	0	20	20	0	20	20
1.35	Lê Thị Nhân	230427012441108	23042701244110	079162010145	26/09/2022	Số 2B Đường 37A, Ấp Tân Thành, Xã Tân Thông Hội, Huyện Củ Chi TP.HCM		0908234128	Việt nam	0	1	1	0	1	1
1.36	Lê Thị Năm	000101406617630	00010140661763	250431673	08/04/2020	233/54/1 Bùi Thị Xuân - TP. Bảo Lộc		0336907384	Việt nam	300	0	300	300	0	300
1.37	Lê Thị Phương	000101106617685	00010110661768	250639198	05/10/2016	148/12 phường Lộc Sơn - TP. Bảo Lộc		0915783692	Việt nam	600	0	600	600	0	600
1.38	Lê Thị Tuyết	000101106617754	00010110661775	251146136	05/12/2014	54/9 Phan Ngọc Hiền, TP. Bảo Lộc		0946840226	Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.39	Lê Thị Đào	000101306617741	00010130661774	250960122	07/08/2010	84/ Trần Quốc Toản, P. B'loao, TP. Bảo Lộc		0379743344	Việt nam	400	0	400	400	0	400
1.40	Lê Văn Chức	000101617042081	00010161704208	001062047433	28/06/2021	51 Lê Hồng Phong, P1, TP. Bảo Lộc			Việt nam	1.000	0	1.000	1.000	0	1.000
1.41	Lê Văn Thanh	000101406617682	00010140661768	250621231	18/05/2018	Sơ vuơu tran Nguyễn Hân, tổ 18, phường 2, TP. Bảo Lộc.		0362968657	Việt nam	500	0	500	500	0	500
1.42	Lê Văn Tuấn	191101306617700	19110130661770	250701304	15/09/2015	286/ Trần Phú, P. Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc	luan011188(at)gmail.com	0918681815	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.43	Lê Văn Đôn	000101406617742	00010140661774	250960921	27/07/2017	352/6 Chu Văn An khu 6, phường 2, TP. Bảo Lộc		0914602282	Việt nam	600	0	600	600	0	600
1.44	Lê Xuân Thành	000101506617696	00010150661769	250688279	22/09/2012	nam 19/27/208 Chu Văn An, TP. Bảo Lộc		0363210528	Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.45	Lê Xuân Định	000101506617656	00010150661765	250460290	10/05/2020	Tổ 1 Phường 1, TP. Bảo Lộc		0945807362	Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.46	Lê Đình Phương	000101116354227	00010111635422	068061000180	31/03/2021	57/16 Trần Quốc Toản, P. B'Loao, TP. Bảo Lộc			Việt nam	3.200	0	3.200	3.200	0	3.200
1.47	Lưu Quang Tuấn	241028516466418	24102851646641	026064011272	27/03/2024	72 Ngõ Sỹ Liễn, Tổ 4, P.1, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng	luuquangua,nb(at)gmail.com	0936330257	Việt nam	0	3.200	3.200	0	3.200	3.200
1.48	Lại Văn Thành	000101606617576	00010160661757	151780804	05/07/2020	23/32/6 Trần Quý Cáp - xã ĐamBri - TP. Bảo Lộc		0934136939	Việt nam	500	0	500	500	0	500
1.49	Mai Thị Tâm	000101306617750	00010130661775	251072937	06/06/2013	Tổ 15, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc		0966328649	Việt nam	700	0	700	700	0	700
1.50	Mai Văn Trường	000101306617681	00010130661768	250620953	29/10/2020	268/8 Phan Đình Phùng, P2, TP. Bảo Lộc		0937028827	Việt nam	300	0	300	300	0	300

1.51	Mai Đình Chung	000101506617643	000101506617643	250434220	21/09/2010	26/8 Phan Đình Phùng, P.2, TP.Bảo Lộc		0369729947	Việt nam		1.900	0	1.900	1.900	0	1.900
1.52	NGUYỄN SINH DŨNG THĂNG	241003116257587	241003116257587	001072018688	24/07/2021	Phường 1904 nhà Euroindow 27 Trần Duy Hưng , P.Trung Hòa , Q Cầu Giấy , TP Hà Nội, Hà Nội	sinhhang(AT)gmail.com	0388116688	Việt nam		0	1	1	0	1	1
1.53	NGUYỄN SIÊU MÃN	240130014289443	240130014289443	086078013702	16/12/2022	HÙNG, KHÔM 2, P9, TP.VĨNH LONG, VINH LONG	sieuman2527(at)gmail.com	0908392999	Việt nam		0	1	1	0	1	1
1.54	NGUYỄN THỊ BÍCH THAO	230505112457500	230505112457500	075182014700	12/09/2022	HOÀ HÒA AN, THANH PHỐ BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI	thaoa21982(at)gmail.com		Việt nam		0	10.000	10.000	0	10.000	10.000
1.55	NGUYỄN THỊ LIÊN	240528406617611	240528406617611	250398395	05/08/2014	trường 1, TP.Bảo Lộc, Lâm Đồng			Việt nam		0	400	400	0	400	400
1.56	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	240920416123950	240920416123950	079177001292	18/05/2023	27/5C, Bùi Công Trùng, Tổ 9, Ấp 3, Xã Nhì Bình, Huyện Học Môn, Hồ Chí Minh	khuvuon05(at)gmail.com	0909091037	Việt nam		0	2	2	0	2	2
1.57	NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC	230314012226390	230314012226390	079180011069	08/02/2023	27/5C BUI CÔNG TRÙNG, TỔ 9, ẤP 3, XÃ NHÌ BÌNH, HUYỆN HỌC MÔN, TP. HCM	khuvuon07(at)gmail.com	0909091037	Việt nam		0	2	2	0	2	2
1.58	NGUYỄN VĂN LẬP	250109117013404	250109117013404	068090014551	27/12/2021	1271/3 Trần Phú, Lộc Châu, Bảo Lộc,Lâm Đồng	nguyennlaplogistics(at)gmail.com	0989665405	Việt nam		0	100	100	0	100	100
1.59	NGUYỄN XUÂN NAM	250408417619514	250408417619514	019077000015	29/05/2023	Công ty CP Công nghệ Mắt Bão. Tòa nhà Audi Building, số 8 Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	nxn1977@gmail.com	0971375817	Việt nam		0	100	100	0	100	100
1.60	NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	230726012906625	230726012906625	027082009179	10/05/2021	Thôn La Miệt,xã Yên Giả, thị xã Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh	anhduongqv(at)gmail.com	0979104045	Việt nam		0	600	600	0	600	600
1.61	NGUYỄN ĐỨC ÁNH	230928413385955	230928413385955	036096016944	27/12/2021	90 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh	ducanh183(at)gmail.com	0377503578	Việt nam		0	3.200	3.200	0	3.200	3.200
1.62	NGÔ TRẦN TRÚC ANH	230614312619323	230614312619323	068191009874	28/06/2021	53 Nguyễn Khuyến, P.2, TP.Bảo Lộc, Lâm Đồng	ngotranchuanh(at)gmail.com	0866116168	Việt nam		0	1.400	1.400	0	1.400	1.400
1.63	Nghiêm Phú Kiên Cường	220720211296511	220720211296511	001071047740	02/06/2021	P1206 CC 27 Huỳnh Thúc Kháng,Đông Đa, HN	kimcuongvnd(at)gmail.com	0976858383	Việt nam		0	400	400	0	400	400
1.64	Nguyễn Cảnh Toàn	000101506617737	000101506617737	250935216	08/06/2018	25/6 Nguyễn Đức Cảnh, tổ 1, P.Lộc Phát, TP.Bảo Lộc		0903708328	Việt nam		200	0	200	0	200	200
1.65	Nguyễn Duy Tiến	250324117510682	250324117510682	036071011266	28/06/2021	107/Trương Văn Thu, Phường 1, Tp.Bảo Lộc, Lâm Đồng	nguyenduytienbaoloc(at)gmail.com	0918423644	Việt nam		0	13.500	13.500	0	13.500	13.500
1.66	Nguyễn Hồng Nguyệt	221205211848307	221205211848307	044153005965	10/07/2021	157/3 Trần Bá Giao, P.5, Gò Vấp, TP.HCM	nhntondan(at)gmail.com	0942006718	Việt nam		0	600	600	0	600	600
1.67	Nguyễn Hồng Ngân	000101416423836	000101416423836	035089012928	27/12/2021	107/Trương Văn An, P.1, TP. Bảo Lộc			Việt nam		800	0	800	800	0	800
1.68	Nguyễn Hồng Tuấn	000101206617692	000101206617692	250671783	21/09/2017	Thôn 12, Lộc Thành, Bảo Lâm		0918926531	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.69	Nguyễn Hữu Tám	000101217042083	000101217042083	036070008689	31/03/2021	206 Bùi Thị Xuân, P1, TP. Bảo Lộc			Việt nam		900	0	900	900	0	900
1.70	Nguyễn Minh Tân	000101117042083	000101117042083	024071012007	11/08/2021	Tổ 15, 352/4 Chu Văn An, P.2, TP. Bảo Lộc			Việt nam		300	0	300	300	0	300
1.71	Nguyễn Mậu Bình	000101306617666	000101306617666	250553968	04/04/2018	Tổ 13 khu 3B, P1, TP.Bảo Lộc		0916306759	Việt nam		1.900	0	1.900	1.900	0	1.900
1.72	Nguyễn Quang Dũng	211220409051436	211220409051436	068098006331	09/08/2021	167/1 Quốc lộ 20, xã Lộc Nga, TP.Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	nguyennquangdung0110(at)gmail.com	0352090565	Việt nam		0	1.000	1.000	0	1.000	1.000
1.73	Nguyễn Quốc Thành	000101206617674	000101206617674	250595810	29/03/2017	Tổ 8B Phùng Hưng P.Lộc Tiến, TP.Bảo Lộc		0947231989	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.74	Nguyễn Sỹ Trường	240828215905244	240828215905244	056071008489	12/11/2021	274/62/6 đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang		0905168529	Việt nam		0	6.200	6.200	0	6.200	6.200
1.75	Nguyễn Thế Vinh	000101517461042	000101517461042	036061005698	10/04/2021	108 Đới Cẩn-Lộc Sơn- TP. Bảo Lộc			Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.76	Nguyễn Thị Hoa	000101217464525	000101217464525	034163025061	27/12/2021	79/19 Đinh Tiên Hoàng, P1, TP. Bảo Lộc			Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.77	Nguyễn Thị Hoàn	000101406617624	000101406617624	250428714	24/10/2012	268/103 Bùi Thị Xuân, P1, TP.Bảo Lộc		0345126267	Việt nam		300	0	300	300	0	300
1.78	Nguyễn Thị Hương	000101516423837	000101516423837	001174038099	12/01/2022	Thôn Chi Hồ, Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh			Việt nam		300	0	300	300	0	300
1.79	Nguyễn Thị Hải Ninh	000101306617591	000101306617591	250199962	12/12/2021	02 Trần Hưng Đạo P3 - TP Đà Lạt		0913173105	Việt nam		2.200	0	2.200	2.200	0	2.200
1.80	Nguyễn Thị Hải Yến	000101406617688	000101406617688	250656190	09/05/2015	Tổ 23, P2, TP.Bảo Lộc		0963084276	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.81	Nguyễn Thị Hồng Hòe	241028116466413	241028116466413	049189003832	26/09/2022	261, Hoàng Văn Thụ, P1, Bảo Lộc, Lâm Đồng	nguyenthihohoe.blc(at)gmail.com	0377177547	Việt nam		0	1.000	1.000	0	1.000	1.000
1.82	Nguyễn Thị Kim Cúc	000101206617755	000101206617755	251146237	23/12/2014	23/32 Trần Quý Cáp, TP.Bảo Lộc		01286049045	Việt nam		400	0	400	400	0	400
1.83	Nguyễn Thị Loan	000101606617678	000101606617678	250605664	28/07/2015	181 Bùi Thị Xuân, P1, TP. Bảo Lộc		0981217539	Việt nam		300	0	300	300	0	300
1.84	Nguyễn Thị Mai Anh	000101506617758	000101506617758	251173851	15/09/2015	189/19 Chu Văn An, tổ 16, P2, TP.Bảo Lộc		0911950716	Việt nam		300	0	300	300	0	300
1.85	Nguyễn Thị Nga	000101606617613	000101606617613	250398553	13/05/2014	243/9 Nguyễn Công Trứ P2		0586004129	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.86	Nguyễn Thị Nguyệt	000101106617745	000101106617745	251033112	24/05/2012	Đoàn 2, thôn 2 - Đại Lào, TP.Bảo Lộc		0398010720	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.87	Nguyễn Thị Nhân	000101517042080	000101517042080	036160024155	09/08/2021	66 Trần Nguyễn Hân, Tổ 18, P2, TP. Bảo Lộc			Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.88	Nguyễn Thị Thanh	000101106617633	000101106617633	250431972	21/07/2010	37/26 tổ 2 Lê Đại Hành - TP. Bảo Lộc		0987553434	Việt nam		1.900	0	1.900	1.900	0	1.900
1.89	Nguyễn Thị Thanh	000101106617714	000101106617714	250750646	09/09/2005	35/1/1 Hồng Bàng, P1, TP.Bảo Lộc		0973952452	Việt nam		1.300	0	1.300	1.300	0	1.300
1.90	Nguyễn Thị Thanh A	000101106617639	000101106617639	250433482	24/08/2018	90 Nguyễn Chí Thanh, tổ 14, P2, TP.Bảo Lộc		0395197768	Việt nam		1.400	0	1.400	1.400	0	1.400
1.91	Nguyễn Thị Thanh B	000101306617647	000101306617647	250435455	26/07/2013	90 Đinh Tiên Hoàng P1		907649209	Việt nam		700	0	700	700	0	700
1.92	Nguyễn Thị Thanh Bình	000101116423839	000101116423839	04212027805	27/12/2021	80/14 Đinh Tiên Hoàng, Phường 1			Việt nam		2.000	0	2.000	2.000	0	2.000
1.93	Nguyễn Thị Thu Hương	000101606617620	000101606617620	250403497	18/02/2009	113/50/4B Trần Hưng Đạo - P. Lộc Sơn - TP.Bảo Lộc		0909957014	Việt nam		300	0	300	300	0	300
1.94	Nguyễn Thị Thục	000101416354219	000101416354219	001169028152	24/10/2023	Tổ 11, P2, TP. Bảo Lộc			Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.95	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	000101417042079	000101417042079	038172028894	12/08/2021	Tổ 13, Phường 2, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng			Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.96	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	000101406617694	000101406617694	250685911	25/12/2005	52 Lê Quý Đôn, TP.Bảo Lộc		0933574464	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.97	Nguyễn Thị Tân	000101206617711	000101206617711	250715287	21/01/2005	Tổ 1 Khu 1 phường Lộc Tiến		0977955282	Việt nam		700	0	700	700	0	700
1.98	Nguyễn Thị Vinh	000101616354221	000101616354221	040163001925	24/04/2023	Tổ 3A, P. Lộc Tiến, TP. Bảo Lộc			Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.99	Nguyễn Tiến Hải	191024206617659	191024206617659	250504278	20/07/2013	772A/32 Trần Phú, Phường Lộc Tiến, Tp.Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng		0984683073	Việt nam		0	400	400	0	400	400
1.100	Nguyễn Trọng Ân	241028616466419	241028616466419	038065044701	09/01/2022	73 Lương Thế Vinh, P.1, Bảo Lộc, Lâm Đồng	an3209baoloc(at)gmail.com	0918423646	Việt nam		0	5.200	5.200	0	5.200	5.200
1.101	Nguyễn Tuấn Huy	221012111666044	221012111666044	001091019611	18/12/2021	109 K9, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội		0336235776	Việt nam		0	800	800	0	800	800
1.102	Nguyễn Văn Hải	000101506617702	000101506617702	250706462	28/10/2004	Xóm 2 Thôn 5 xã Đại Lào		0974046148	Việt nam		500	0	500	500	0	500
1.103	Nguyễn Văn Thuận	000101606617657	000101606617657	250486554	28/12/2013	42 Lý Thái Tổ - P2- TP.Bảo Lộc		0374474663	Việt nam		1.600	0	1.600	1.600	0	1.600
1.104	Nguyễn Văn Thành	000101106617727	000101106617727	250850914	18/09/2017	147 Trần Tế Xương, xã ĐamBri, TP.Bảo Lộc		0367687077	Việt nam		3.300	0	3.300	3.300	0	3.300
1.105	Nguyễn Văn Thành	220311109703440	220311109703440	030091018072	28/06/2021	Thôn 4, Xã Đam Bri, Bảo Lộc, Lâm Đồng	thanh210491vn(at)gmail.com	0367687077	Việt nam		0	30	30	0	30	30
1.106	Nguyễn Văn Thường	000101306617687	000101306617687	250650013	25/04/2018	231/5 Mạc Đĩnh Chi, TP.Bảo Lộc		0902909775	Việt nam		600	0	600	600	0	600

1.107	Nguyễn Văn Tâm	211005306617610	211005306617610	250370753	07/03/2010	Tổ 8, Phường 2, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng	nguyenvan20472(at)gmail.com	0918525917	Việt nam		0	500	500	0	500	500
1.108	Nguyễn Văn Tỷ	000101306617735	000101306617735	250927095	20/11/2009	Tổ 23, Phường 2, TP. Bảo Lộc		0981550478	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.109	Nguyễn Văn Ánh	241014216343724	241014216343724	038080016907	19/04/2021	170/C/1 tổ 4A, Ấp 1, Hết Nghĩa, Tân Uyên, Bình Dương	nhataanh117(at)gmail.com	0977069444	Việt nam		0	300	300	0	300	300
1.110	Nguyễn Xuân Khánh	000101317464526	000101317464526	034060016361	28/06/2021	44A/8 Nguyễn Tri Phương, P. Lộc Tiến, TP. Bảo Lộc			Việt nam		800	0	800	800	0	800
1.111	Nguyễn Xuân Minh	240904015951628	240904015951628	040084036608	24/01/2024	Nhà Sô 03, Đường Tôn Thi Quý, Nghệ An	minhnx91@gmail.com	0903458783	Việt nam		0	500	500	0	500	500
1.112	Nguyễn Xuân Trường	000101606617690	000101606617690	250661537	27/03/2013	77/21 Trần Nguyên Hân, P2, TP. Bảo Lộc		01692466779	Việt nam		300	0	300	300	0	300
1.113	Nguyễn Xuân Tâm	000101106617602	000101106617602	250299426	29/08/2017	32 Nguyễn Công Trứ P1		0385146600	Việt nam		10.000	0	10.000	10.000	0	10.000
1.114	Nguyễn Đào Nam Anh	000101106617621	000101106617621	250417408	19/10/2017	185/3 Phan Đình Phùng - P2 - TP. Bảo Lộc		0909474727	Việt nam		900	0	900	900	0	900
1.115	Nguyễn Đình Khuê	000101506617752	000101506617752	251079894	16/07/2013	hẻm 335/29/26 Phan Đình Phùng, TP. Bảo Lộc		0984803087	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.116	Nguyễn Đình Quý	000101506617636	000101506617636	250433294	12/07/2012	243/9 Nguyễn Công Trứ P2, TP. Bảo Lộc		0984424861	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.117	Nguyễn Đăng Khuê	000101206617686	000101206617686	250649897	17/04/2017	28/12 Tây Sơn P2, TP. Bảo Lộc		0904461306	Việt nam		800	0	800	800	0	800
1.118	Nguyễn Đăng Tùng	190523006747199	190523006747199	001087010637	01/03/2016	76 Ngõ 97 Văn Cao, Q. Bà Đình, Hà Nội	nguyendangtung.fru(at)gmail.com	0981958635	Việt nam		0	7	7	0	7	7
1.119	Nguyễn Đức Hạnh	191028306617634	191028306617634	250432603	08/07/2015	Yến Thê, Phường 2, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng	duchanhbaoloc(at)gmail.com	0909211802	Việt nam		0	4.600	4.600	0	4.600	4.600
1.120	Nguyễn Đức Vương	000101506617575	000101506617575	B4412477	15/07/2010	08 Nguyễn Thái Bình P2		0919533672	Việt nam		16.600	0	16.600	16.600	0	16.600
1.121	Ngô Minh Tuấn	191025406617707	191025406617707	250709670	06/05/2005	34/2 Lý Thường Kiệt, phường 1, TP. Bảo Lộc, T. Lâm Đồng	ngominhthuan1205(at)gmail.com	0987795979	Việt nam		0	11.500	11.500	0	11.500	11.500
1.122	Ngô Thị Các	000101506617649	000101506617649	250435669	14/08/2013	Tổ 16, phường Lộc Phát, TP. Bảo Lộc		0974916359	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.123	Ngô Thị Huệ	000101416354224	000101416354224	040172010645	28/06/2021	11/23 Nguyễn Chí, P2, TP. Bảo Lộc			Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.124	Ngô Thị Oanh	241028316466416	241028316466416	024172006691	28/06/2021	107 Hoàng Văn Thu, phường 1, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Đồng Nai	oanh20012006(at)gmail.com	0911665979	Việt nam		0	6.900	6.900	0	6.900	6.900
1.125	Ngô Văn Chiến	000101406617751	000101406617751	251072972	08/06/2013	Xóm 3 thôn 14 xã Đam Bri, TP. Bảo Lộc		0982300479	Việt nam		700	0	700	700	0	700
1.126	Ngô Xuân Thành	000101106617658	000101106617658	250497767	04/08/2011	205 Bùi Thị Xuân - P1 - TP. Bảo Lộc		0984416980	Việt nam		1.700	0	1.700	1.700	0	1.700
1.127	PHÙNG THỊ PHÚ	160526125374562	160526125374562	079153000198	18/02/2016	27/5C Bùi Công Trừng, Tổ 9, Ấp 3, Xã Nhì Bình, Huyện Hóc Môn, Hồ Chí Minh	khuvuon06@gmail.com	0909091037	Việt nam		0	2	2	0	2	2
1.128	PHẠM XUÂN TUẤN	230327012265349	230327012265349	015086011056	28/06/2022	Ấp Thông Nhứt, Xã Vĩnh Thanh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	wetaltuann(at)gmail.com	0364625399	Việt nam		0	100	100	0	100	100
1.129	Phan Anh Diễn	000101117464530	000101117464530	042075007884	28/06/2021	Tổ 3, Khu 1A, P1, TP. Bảo Lộc			Việt nam		600	0	600	600	0	600
1.130	Phan Hoàng Hiếu	191024506881246	191024506881246	250556781	18/10/2016	134C/9 Nguyễn Văn Cừ, Lộc Sơn, Bảo Lộc, Lâm Đồng	phanhieu1368(at)gmail.com	0941665817	Việt nam		0	4.900	4.900	0	4.900	4.900
1.131	Phan Huy Thanh	191101306617585	191101306617585	250060083	28/10/2010	8/2 Đầm Tiên Hoàng, P1, TP. Bảo Lộc		0937286232	Việt nam		0	5.000	5.000	0	5.000	5.000
1.132	Phan Thị Hiền	000101606617595	000101606617595	250265322	25/03/2009	4/4 Phan Quý, xã Đam Bri, TP. Bảo Lộc		0948570095	Việt nam		2.500	0	2.500	2.500	0	2.500
1.133	Phan Thị Hương	000101606617632	000101606617632	250431697	27/06/2015	Tổ 4 - p1 - TP. Bảo Lộc		0366311076	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.134	Phan Thị Hằng	000101206617640	000101206617640	250433802	07/08/2017	332 Chu Văn An - P2 - TP. Bảo Lộc		0359635357	Việt nam		5.000	0	5.000	5.000	0	5.000
1.135	Phan Thị Lê Hằng	000101506617593	000101506617593	250228126	28/03/2006	909 Đường Trần Phú P. Blao			Việt nam		6.900	0	6.900	6.900	0	6.900
1.136	Phan Thị Ngọc Hân	220620410932840	220620410932840	040155006507	06/09/2021	XOM TAN PHONG, XÃ DIỄN NGUYỄN, HUYỆN DIỄN CHAU, TỈNH NGHỆ AN		0939687798	Việt nam		0	15.000	15.000	0	15.000	15.000
1.137	Phan Thị Thông	000101406617748	000101406617748	251059907	07/01/2014	178/1 Trần Quý Cáp, xã Đam Bri, TP. Bảo Lộc		01685600527	Việt nam		800	0	800	800	0	800
1.138	Phan Thị Tuyết	000101517464528	000101517464528	040171020545	16/03/2022	264 Chu Văn An, P2, TP. Bảo Lộc			Việt nam		5.000	0	5.000	5.000	0	5.000
1.139	Phan Thị Tinh	000101406617648	000101406617648	250435485	13/05/2013	riem 37 Nguyễn Chí Thanh- TP. Bảo Lộc		0912704100	Việt nam		600	0	600	600	0	600
1.140	Phan Văn Kỳ	241101216506101	241101216506101	042072000744	25/03/2021	1/6B xã An Nam, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng		0911663379	Việt nam		0	1.100	1.100	0	1.100	1.100
1.141	Phan Văn Quỳnh	000101406617676	000101406617676	250060389	10/07/2017	196 Lý Thái Tổ, TP. Bảo Lộc		0908237445	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.142	Phạm Nguyễn Thiên Quang	000101406617730	000101406617730	250877337	27/09/2008	101/L Nguyễn Văn Cự - P. Lộc Sơn - TP. Bảo Lộc		0938665952	Việt nam		2.100	0	2.100	2.100	0	2.100
1.143	Phạm Thanh Hải	150907125156058	150907125156058	092082000444	23/07/2015	30 Tổ 37 KV6, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	haiknct(at)gmail.com	07103817741	Việt nam		0	100	100	0	100	100
1.144	Phạm Thanh Kem	191025606617601	191025606617601	250299369	06/09/2017	45B, Chu Văn An, Phường 1, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng	thanhkem1962(at)gmail.com	0913736854	Việt nam		0	11.300	11.300	0	11.300	11.300
1.145	Phạm Thị Hồng Mạc	000101417464527	000101417464527	034161015868	30/08/2021	174/13 Phan Đình Phùng, TP. Bảo Lộc			Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.146	Phạm Thị Luyến	000101216423834	000101216423834	037172009485	28/06/2021	35/22 Chu Văn An, Khu 6, Phường 2			Việt nam		800	0	800	800	0	800
1.147	Phạm Thị Nhạn	000101406617757	000101406617757	251146806	04/03/2015	Tổ 9, phường 2, TP. Bảo Lộc		0916625982	Việt nam		800	0	800	800	0	800
1.148	Phạm Thị Sư	000101506617749	000101506617749	251065144	03/01/2013	Xóm 2, Thôn 3 - Đại Lải, TP. Bảo Lộc		01633452837	Việt nam		500	0	500	500	0	500
1.149	Phạm Thị Vương	000101406617701	000101406617701	250704053	14/04/2004	101/L Nguyễn Văn Công Trứ, P2, TP. Bảo Lộc		0915643764	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.150	Phạm Văn Minh	000101606617588	000101606617588	250066331	15/07/2011	101/L Nguyễn Văn Cự - P. Lộc Sơn - TP. Bảo Lộc		0918076774	Việt nam		1.000	0	1.000	1.000	0	1.000
1.151	Phạm Văn Thương	191031106617589	191031106617589	250066608	02/06/2016	03 Tô Hiệu, P. Lộc Sơn, Bảo Lộc, Lâm Đồng		0909211807	Việt nam		0	8.200	8.200	0	8.200	8.200
1.152	Phạm Văn Dân	000101117464524	000101117464524	034068020414	28/06/2021	12/122 trư t m Xuân, P1, TP. Bảo Lộc			Việt nam		1.700	0	1.700	1.700	0	1.700
1.153	THÁI BÁ PHÚ	240821015841905	240821015841905	064202011816	31/05/2021	236/25/6 Điện Biên Phủ, Số phòng 2H B21, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	thaibaphu2002(at)gmail.com	0867458607	Việt nam		0	1	1	0	1	1
1.154	TRẦN MINH TÂM	220527610575318	220527610575318	051095013204	12/05/2022	Thôn Hòa Phú, Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	tranminhtam24041995(at)gmail.com	0357201663	Việt nam		0	3.000	3.000	0	3.000	3.000
1.155	TRẦN NGỌC NGUYỄN	231124313922972	231124313922972	079304001307	06/12/2022	Saigon South Residence, 113 A Nguyễn Hữu Thọ, Phước Kiển, Nhà Bè, TP. HCM	Tranngocnguyen0220(at)gmail.com	0906238895	Việt nam		0	3	3	0	3	3
1.156	TRẦN QUỐC TOÀN	240319114540422	240319114540422	026091001033	19/04/2022	Thôn 2, Xã Hoàng Hoa, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc	Gialong962019(at)cloud.com	0368988823	Việt nam		0	20	20	0	20	20
1.157	Triệu Thị Kim Luyến	000101406617599	000101406617599	250297236	13/11/2005	25 Lý Nam Đế, P1, TP. Bảo Lộc		0993951202	Việt nam		2.000	0	2.000	2.000	0	2.000
1.158	Trương Cảnh Duy Phong	191206006917231	191206006917231	079099004940	02/12/2016	44A Lê Trưc Phương 7 Quận Bình Thạnh	dphongpham89(at)gmail.com	0356369458	Việt nam		0	200	200	0	200	200
1.159	Trần Chí Cường	000101306617716	000101306617716	250774119	30/05/2017	25 Chu Văn An, P1, TP. Bảo Lộc		0977921577	Việt nam		1.800	0	1.800	1.800	0	1.800
1.160	Trần Chí Dũng	000101206617761	000101206617761	251254826	14/09/2017	Xóm 4 Thôn 4 xã Đambri		0916423455	Việt nam		1.700	0	1.700	1.700	0	1.700
1.161	Trần Chí Thắng	241028216466415	241028216466415	044080008505	12/08/2021	Thôn 2, xã Đambri, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng	tranchithang79(at)gmail.com	0907662555	Việt nam		0	1.600	1.600	0	1.600	1.600
1.162	Trần Đoàn Lộc	000101406617635	000101406617635	250433079	07/06/2016	205 Hồ Tùng Mậu - P1 - TP. Bảo Lộc		0938844779	Việt nam		500	0	500	500	0	500
1.163	Trần Minh Hiếu	000101606617697	000101606617697	250693702	05/08/2004	Xóm 4, Thôn 3 - Đại Lải, TP. Bảo Lộc		0972194602	Việt nam		800	0	800	800	0	800
1.164	Trần Thị Biên	000101606617738	000101606617738	250941883	25/06/2016	107 Khu 1 phường 2		0989220069	Việt nam		200	0	200	200	0	200
1.165	Trần Thị Bình	000101506617677	000101506617677	250605645	28/10/2013	Tổ 1, P1, TP. Bảo Lộc		0912738701	Việt nam		300	0	300	300	0	300

1.16 6	Trần Thị Hồng	000101516354220	000101516354220	068163004669	16/07/2024	Tổ 14, Phường 2, TP. Báo Lộc			Việt nam	400	0	400	400	0	400
1.16 7	Trần Thị Kim Hoa	000101516354225	000101516354225	042172027735	25/02/2025	11211 nguyễn công Chi, P2, TP. Báo Lộc			Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.16 8	Trần Thị Thanh Loan	000101306617598	000101306617598	250295057	31/05/2009	61 Trần Quốc Toàn phường Błao	0838638971		Việt nam	300	0	300	300	0	300
1.16 9	Trần Thị Thu Thảo	000101506617668	000101506617668	250562587	02/11/2014	110221 trần thu Thảo, P. Lộc Nga, TP. Báo Lộc	0966505407		Việt nam	300	0	300	300	0	300
1.17 0	Trần Thị Thái	000101106617691	000101106617691	250669651	09/07/2014	49 Nguyễn Trung Trưc, P1, TP. Báo Lộc	01666152486		Việt nam	800	0	800	800	0	800
1.17 1	Trần Thị Thủy Vân	241203216731672	241203216731672	068183005179	02/11/2023	410(KĐC Bắc Rach Chiếc) KP3, P.Phưc Long A, Q.3 TP.HCM	tranhuyvan.d(a@gmail.com)	0933054114	Việt nam	0	5.000	5.000	0	5.000	5.000
1.17 2	Trần Thị Thảo	000101106617733	000101106617733	250926769	09/10/2009	204 Trần Hưng Đạo, P. Lộc Sơn, TP. Báo Lộc	0352791640		Việt nam	300	0	300	300	0	300
1.17 3	Trần Thị Tuyền	191031406887379	191031406887379	250398771	12/03/2011	117 Nguyễn Thái Học, P.2, TP. Báo Lộc, Lâm Đổng	0386799596		Việt nam	0	5.000	5.000	0	5.000	5.000
1.17 4	Trần Tấn Phú	240913316057494	240913316057494	079091005254	20/07/2021	141 An Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP HCM	0938541141		Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.17 5	Trần Văn Dạn	000101206617671	000101206617671	250578714	27/04/2015	Thôn 2 - xã Đại Lải	02633761093		Việt nam	6.100	0	6.100	6.100	0	6.100
1.17 6	Trần Văn Nghi	000101306895290	000101306895290	250669079	01/11/2018	49A Tây Sơn, Phường 2, TP Báo Lộc, Lâm Đổng			Việt nam	600	0	600	600	0	600
1.17 7	Trần Đăng Ninh	000101316423835	000101316423835	030079012821	22/11/2022	129 Trần Thuc, P. Lộc Sơn, TP. Báo Lộc			Việt nam	5.000	0	5.000	5.000	0	5.000
1.17 8	Trình Văn Chí	000101206617652	000101206617652	250447585	11/09/2009	57/23 Trần Quốc Toàn, P.Błao, TP.Báo Lộc	0918034090		Việt nam	2.000	0	2.000	2.000	0	2.000
1.17 9	Trình Văn Hào	200625126623092	200625126623092	049077000233	16/04/2018	Cán Hó A1-2-13, Chung Cư Lê Thành, Kp.3, P. An Lạc, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh			Việt nam	0	3.600	3.600	0	3.600	3.600
1.18 0	Tô Quang Tiếp	000101106617720	000101106617720	250789260	22/08/2006	143/24 Nguyễn Văn Cừ - P.Lộc Sơn-TP. Báo Lộc	0888118484		Việt nam	500	0	500	500	0	500
1.18 1	TẦN LỘC LOUIS	230424012429499	230424012429499	079083010693	25/07/2022	100 C/CTC ĐÔNG ĐIỂU, P4, QUẬN 8, TP HỒ CHÍ MINH	loc092020(a@gmail.com)		Việt nam	0	77.200	77.200	0	77.200	77.200
1.18 2	TỬ VĨ HUẾ	230314112226391	230314112226391	079078013038	12/02/2023	27/5C Bùi Công Trùng, Tổ 9, Ấp 3, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, TPHCM	khuvuon08(a@gmail.com)	0909091037	Việt nam	0	102	102	0	102	102
1.18 3	TỬ XUÂN VINH	240925516171728	240925516171728	087082005211	09/08/2021	ÁP 1, BÌNH HANG TRUNG, CAO LÃNH, ĐÔNG THÁP			Việt nam	0	1	1	0	1	1
1.18 4	VÕ THỊ NGÀ	240528614901142	240528614901142	052168000936	28/06/2021	72 Dới Cạn, Lộc Sơn, Thành phố Báo Lộc, Lâm Đổng			Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.18 5	VÕ THỊ XUÂN	240528506617743	240528506617743	250960935	01/12/2010	107 Bùi Thị Xuân, Phường 1, TP Báo Lộc, Lâm Đổng			Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.18 6	Vô Ngô Đình Phở	191025406617617	191025406617617	250401316	23/09/2011	140 Ph. Phường 2, Báo Lộc, Lâm Đổng	duhpho2000(a@gmail.com)	0902450210	Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.18 7	Vô Đình Nhân	000101606617684	000101606617684	250632150	25/07/2017	380 Trần Phú P1, TP.Báo Lộc		0913712184	Việt nam	400	0	400	400	0	400
1.18 8	VŨ DUY CUÔNG	250109117013384	250109117013384	092093005854	19/04/2021	159 Trần Quốc Lộc Ng Ônhi, Phường 17, Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	vuuduycuong20993@gmail.com	0942096161	Việt nam	0	800	800	0	800	800
1.18 9	Vũ Hoàng Tập	000101206617734	000101206617734	250926959	31/10/2009	12/24 Đường Chu Văn An P2	0909856934		Việt nam	500	0	500	500	0	500
1.19 0	Vũ Quý Hiên	000101106617670	000101106617670	250568717	09/05/2013	231/36 Mạc Đình Chi, Phường 2, TP. Báo Lộc		0914258876	Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.19 1	Vũ Thị Huyền	191024606881328	191024606881328	030185001386	26/01/2016	17 Trương Trác Kháng, Khu 8, Thanh Bình, Hải Dương	khuyen05(at)gmail.com	0965748800	Việt nam	0	103.400	103.400	0	103.400	103.400
1.19 2	Vũ Thị Nguyệt	000101116423833	000101116423833	030172014409	27/12/2021	70/8 Đinh Tiên Hoàng, P1, TP. Báo Lộc			Việt nam	1.200	0	1.200	1.200	0	1.200
1.19 3	Vũ Thị Thương	000101206617578	000101206617578	163232422	04/10/2015	Thôn 2 xã Đam-Bri-TP.Báo Lộc	0942850776		Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.19 4	Vũ Thị Tuyền	000101317042078	000101317042078	036165019576	09/08/2021	114 Phó Đức Chính, TP Báo Lộc			Việt nam	700	0	700	700	0	700
1.19 5	Vũ Văn Hoành	000101316423841	000101316423841	068067004604	20/08/2021	164/13 Phan Đình Phùng, P2, TP. Báo Lộc			Việt nam	800	0	800	800	0	800
1.19 6	Vũ Văn Tuấn	000101216423840	000101216423840	034065014040	09/08/2021	159 Trần Quốc Toàn, P. Báo Lộc, TP. Báo Lộc			Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.19 7	Vũ Văn Đăng	220210129415206	220210129415206	036081002141	22/12/2021	34/3A Bàu Cát 2, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh	vuvandangphuocnam(a)yahoo.com.vn	0988579550	Việt nam	0	1	1	0	1	1
1.19 8	Vũ Đình Tiến	000101306617693	000101306617693	250684667	26/02/2014	Tổ 15 phường Lộc Phát, TP Báo Lộc	0898917812		Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.19 9	Vương Quân Hoàng	240822315848421	240822315848421	001072035704	10/07/2021	49 Nguyễn Hồng, P Lãng Hạ, Q. Đống Đa - Hà Nội	Hoangqvq@emiprics.net	047730404	Việt nam	0	8.728	8.728	0	8.728	8.728
1.20 0	ĐINH SON HAI	210218306617723	210218306617723	250824541	22/09/2012	54 Lý Thường Kiệt, Phường 1, TP Báo Lộc, Lâm Đổng			Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.20 1	Đinh Công Văn	241028416466417	241028416466417	017085007595	27/12/2021	102 Nguyễn Bình Khiêm, P2, TP. Báo Lộc, Lâm Đổng	congvan85(a@gmail.com)	0983572075	Việt nam	0	600	600	0	600	600
1.20 2	Đinh Xuân Hoàng	191028106884126	191028106884126	250428566	28/01/2005	hẻm 54 Lý Thường Kiệt, Phường 1, TP.Báo Lộc, Tỉnh Lâm Đổng	hoangtruongtin(a)gmail.com	0913181972	Việt nam	0	800	800	0	800	800
1.20 3	Đoàn Ngọc Quyền	000101606617650	000101606617650	250435702	21/04/2012	Thôn 1 Đambri - TP Báo Lộc	0979751071		Việt nam	300	0	300	300	0	300
1.20 4	Đoàn Quý Dương	000101617464529	000101617464529	036070020402	28/06/2021	288/107-3, phường Thi Xuân, TP. Báo Lộc			Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.20 5	Đoàn Văn Hòa	000101306617629	000101306617629	250431625	24/09/2011	70/8 Đinh Tiên Hoàng, P1, TP. Báo Lộc	0918525874		Việt nam	4.200	0	4.200	4.200	0	4.200
1.20 6	Đoàn Văn Lập	000101406617592	000101406617592	250226284	28/04/2011	SN 24 Lê Văn Tám - PH - TP. Báo Lộc	02633602044		Việt nam	700	0	700	700	0	700
1.20 7	Đàm Thị Biện	000101306617756	000101306617756	251146275	27/12/2014	Hẻm 338 Mạc Đình Chi - TP.Báo Lộc	0363323239		Việt nam	700	0	700	700	0	700
1.20 8	Đàm Thị Thu Hà	230721112872574	230721112872574	024172004465	10/07/2021	Số 49 Nguyễn Hồng, Lãng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	vuong.and.aassociates(at)gmail.com	0904598168	Việt nam	0	164	164	0	164	164
1.20 9	Đào Hải Yến	220426110052790	220426110052790	211753321	20/04/2020	66, Tô Hiệu, Lộc Sơn, Báo Lộc, Lâm Đổng	daohaiyenbl(a@gmail.com)	0964033799	Việt nam	0	500	500	0	500	500
1.21 0	ĐẶNG THÁI HÙNG	230228009510439	230228009510439	077088004326	11/08/2021	17A Trương Vĩnh Kỳ, Phường Phước Trung, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			Việt nam	0	12	12	0	12	12
1.21 1	Đặng Thanh Liễm	250102116944430	250102116944430	079077025710	10/07/2021	146/35 Vũ Tùng, P.2, Bình Thanh, TP.HCM	dtvn2000@gmail.com	0918456790	Việt nam	0	700	700	0	700	700
1.21 2	Đặng Văn Chiến	000101206617665	000101206617665	250553782	24/01/2015	135/35 Trần Quốc Toản, P.Błao, TP.Báo Lộc	0385282554		Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.21 3	Đặng Văn Hải	000101506617618	000101506617618	250402425	26/09/2012	62 Lý Thường Kiệt, TP.Báo Lộc	01636344117		Việt nam	700	0	700	700	0	700
1.21 4	Đặng Văn Tuất	000101217042077	000101217042077	033068012905	11/08/2021	Tổ 15, 352/4 Chu Văn An, P2, TP. Báo Lộc			Việt nam	600	0	600	600	0	600
1.21 5	ĐÔNG HOÀI AN	210825508361812	210825508361812	072095003761	14/02/2019	31 TỐ T: NAM TRAI, TRƯỜNG ĐÔNG, HÒA THÁNH, TÂY NINH	hoaiangvt(a@gmail.com)	0903777993	Việt nam	0	700	700	0	700	700
1.21 6	Đỗ Hữu Sứ	191024606881248	191024606881248	250367701	17/01/2019	31 Lý Thường Kiệt, Phường 2, Báo Lộc, Lâm Đổng	huusuy(at)gmail.com	0913934970	Việt nam	0	4.948	4.948	0	4.948	4.948
1.21 7	Đỗ Thanh Giang	000101606617703	000101606617703	250709130	18/09/2004	Tổ 16 phường Lộc Phát	01698660400		Việt nam	200	0	200	200	0	200
1.21 8	Đỗ Thị Hồng Nhung	000101606617607	000101606617607	250347464	10/01/2017	17 Trương Hoàng - P2 - TP.Báo Lộc	0987267897		Việt nam	1.100	0	1.100	1.100	0	1.100
1.21 9	Đỗ Văn Đậu	241104616517253	241104616517253	001059031998	12/08/2021	493 Lý Thái Tổ, Đambri, TP.Báo Lộc, Lâm Đổng	0984065159		Việt nam	0	8.100	8.100	0	8.100	8.100
1.22 0	Đỗ Văn Minh	000101406617661	000101406617661	250510250	26/07/2012	17 Thường Kiệt P1 - TP.Báo Lộc	0919468939		Việt nam	2.000	0	2.000	2.000	0	2.000

Cộng											222.000	360.248	582.248	222.000	360.248	582.248
2. Tổ chức																
2.1	Công ty TNHH SX-TM-DV Vĩnh An	000101506617764	000101506617764	5800490867	16/06/2006	69 Nguyễn Huệ Khánh, Phường 2, TP Bảo Lộc, Lâm Đông		02633910515	Việt nam	6.000	0	6.000	6.000	0	6.000	
2.2	Công đoàn Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc	000101606617765	000101606617765	251/QĐ-ToC	16/04/1997	261 Hoàng văn Thụ- BL&C			Việt nam	12.989	0	12.989	12.989	0	12.989	
2.3	Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đông	000101106895179	000101106895179	2086/QĐ-UBND	26/09/2019	Số 4, Trần Hưng Đạo, Phường 3, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đông			Việt nam	957.011	0	957.011	957.011	0	957.011	
Cộng										976.000	0	976.000	976.000	0	976.000	
Cộng: Mỗi giới trong nước										1.198.000	360.248	1.538.248	1.198.000	360.248	1.538.248	
TỔNG CỘNG										1.198.000	360.248	1.538.248	1.198.000	360.248	1.538.248	

NGƯỜI LẬP

Trưởng phòng ĐKCK

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025
KT.Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Lưu ý (*): Quyền bỏ phiếu
Quyền mua
Tổng số lượng chứng khoán tối đa được phép đăng ký thực hiện
quyền

VSDCreatorSigned

VSDCApproveSigned